TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 07, 13 - 17/02/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Phục hồi trong thận trọng, dòng tiền quay trở lại với nhóm Midcap"

Chứng khoán toàn cầu hạ nhiệt. Trên phố Wall, chỉ số giá tiêu dùng CPI tại Hoa Kỳ giảm chậm hơn cùng với chỉ số giá sản xuất PPI lại tăng vượt mức kỳ vọng cho thấy đà giảm của lạm phát đang chững lại, làm dấy lên lo ngại rằng Fed sẽ thắt chặt hơn nữa chính sách tiền tệ của mình. Châu Âu có phần phấn khởi hơn, lạm phát ở Anh giảm nhiều hơn mức đồng thuận kèm theo việc Ủy ban châu Âu (EC) vừa nâng dự báo tăng trưởng cho khối Eurozone trong năm 2023 đã thúc đẩy sự lạc quan. Còn với châu Á, nhà đầu tư đang đánh giá lại triển vọng Trung quốc mở cửa, bên cạnh là dõi theo các chính sách nâng lãi suất mới từ các Ngân hàng Trung ương lớn. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 giảm nhẹ 0.1% và 0.3%. Chứng khoán châu Âu thu hẹp đà tăng với Stoxx Euro còn tăng 1.4% sau sự khởi sắc đầu tuần. Chứng khoán châu Á đa phần giảm, dẫn đầu là Hang Sen, Shanghai với mức sụt giảm lần lượt 2.2%, 1.1%. Nikkei cũng giao dịch trong sắc đỏ khi mất 0.6%.

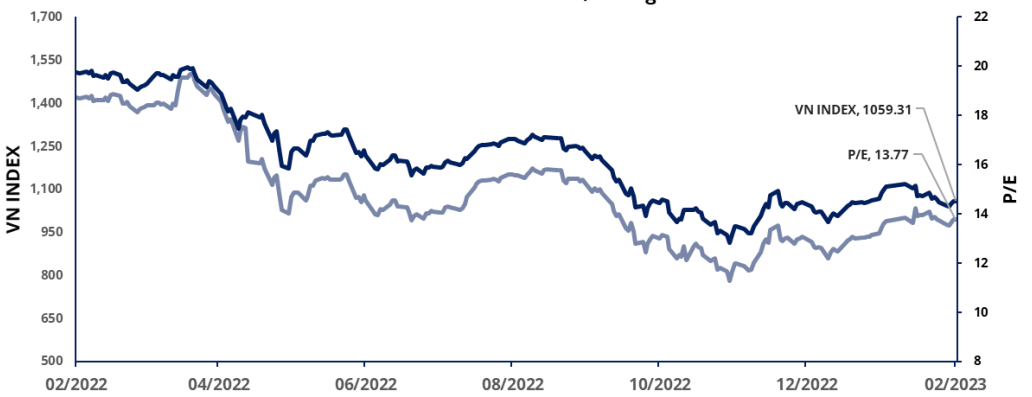
Dầu thô WTI giảm 4% trong tuần về quanh mức 76 USD/thùng, chịu áp lực bởi những lo ngại kéo dài về khả năng suy giảm nhu cầu do suy thoái kinh tế. Ở chiều ngược lại, Chỉ số đô la đã tăng mạnh lên mức 104 vào thứ Sáu, cao nhất trong sáu tuần khi dữ liệu kinh tế Mỹ nóng hơn dự kiến và nhận xét diều hâu từ các quan chức FED. Bên cạnh đó, lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm của Mỹ cũng tăng lên trên 3.8%, mức chưa từng thấy trong ba tháng.

Chứng khoán Việt Nam chững đà giảm và lấy lại sắc xanh sau hai tuần lùi bước. Kết tuần, VN-Index tăng nhẹ 4.0 điểm (+0.4%) lên mức 1059.3 điểm, HNX Index cũng tăng 1.5 điểm (+0.7%) lên 209.9 điểm. Khối ngoại quay trở lại bán ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước mua ròng. Nhìn chung đà lan tỏa được cải thiện ở nhóm vốn hóa vừa khiến nhiều cổ phiếu đạt được giao dịch tốt hơn chỉ số chính, vốn bị ảnh hưởng bởi nhóm vốn hóa lớn khá trầm lắng hiện tại. Sự khởi sắc có thể kể đến như nhóm Đầu tư công, Dầu khí, Dệt may. Riêng nhóm Tài chính, Bất động sản phục hồi nhưng vẫn chịu nhiều áp lực. Về tâm điểm tuần sau, tại Hoa Kỳ, trọng tâm sẽ là biên bản cuộc họp FOMC cùng với bài phát biểu của các quan chức Fed. Nhà đầu tư cũng theo sát dữ liệu chỉ số giá PCE, ước tính thứ 2 về tốc độ tăng trưởng GDP Q4. Ngoài ra, chỉ số PMI sản xuất và dịch vụ sẽ được công bố cho các nền kinh tế lớn bao gồm Mỹ, Anh, Pháp, Đức và Nhật Bản. Cuối cùng, các ngân hàng trung ương ở Hàn Quốc, New Zealand và Thổ Nhĩ Kỳ sẽ quyết định về chính sách tiền tệ.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số đã tìm được vùng cân bằng tương đối quanh khu vực 1,050 điểm. Điểm sáng trong giao dịch tuần này là tín hiệu lực cầu chấp nhận tham gia ở vùng giá thấp, cùng với cung bán phía trên có vẻ yếu ớt hơn. Điều này dễ thúc đẩy thị trường phục hồi trong ngắn hạn. Tuy nhiên, cần lưu ý, chỉ số vẫn chưa thoát được kênh giá giảm, nên những nhịp bật tăng thiên về hồi kỹ thuật. Vị thế tham gia phù hợp là lướt sóng và nên tránh hưng phấn. Kháng cự gần nhất cho xu hướng là ngưỡng 1,080 điểm, trong khi hỗ trợ hiện tại là ngưỡng 1,025 điểm.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,059	0.4	-2.7	9.3	5.2		13.8	1.7	178
Upcom Index	79	2.1	8.2	18.6	10.2		12.3	1.7	43
HNX Index	210	0.7	-2.4	11.8	2.3		16.0	1.2	10
VN30 Index	1,054	0.5	-4.5	8.5	4.8		11.1	1.6	130
S&P 500 Index	4,079	-0.3	2.5	3.6	6.5		19.5	4.0	35,626
STOXX Europe 600 Index	464	1.4	1.0	7.7	8.5		13.5	1.8	13,728
Hang Seng	20,720	-2.2	-4.0	14.8	4.7		12.3	1.2	3,001
Nikkei 225	27,513	-0.6	5.3	-1.5	5.4		22.8	1.7	3,661
SHCOMP Index	3,224	-1.1	0.0	3.5	4.4		14.1	1.4	6,821
STI Index	3,328	-1.0	1.5	1.3	2.4		14.2	1.1	383
KOSPI Index	2,451	-0.7	3.0	0.3	9.6		11.8	1.0	1,458

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Mở tài khoản
[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

WEEKLY SNAPSHOT
Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	1M	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	0.3	-3.1	5.3	-16.6	-31.3	-36.6	63.6	-4.2	11.5	1.8	3,660,472
Mid Cap	0.9	-0.2	4.5	0.7	-21.8	-24.8	33.7	3.9	13.9	1.0	486,967
Small Cap	0.2	1.7	4.5	-0.6	-24.6	-22.9	2.6	0.3	45.2	0.7	73,679

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	2.5	2.1	2.5	-48.0	-51.6	-44.0	2.1	-1.5	6.9	2.6	85,359
Tài nguyên cơ bản	2.4	-2.1	16.1	-7.4	-27.9	-21.2	12.5	0.5	24.7	1.2	162,642
Dầu khí	2.3	3.7	22.1	17.0	11.9	-5.3	1.7	0.4	41.4	2.2	61,302
Xây dựng và vật liệu	2.2	-0.2	11.3	13.9	-13.1	2.1	8.4	1.8	14.5	1.0	98,200
Tài chính	2.1	-5.7	8.6	-10.2	-40.4	-46.3	10.3	0.1	13.8	1.0	101,951
Ô tô & Phụ tùng	1.8	0.6	3.0	4.6	-13.5	-3.0	0.6	0.1	9.8	1.1	13,788
Bảo hiểm	1.7	3.4	7.8	4.5	-25.5	-24.8	0.5	0.1	19.6	1.8	49,013
Công nghệ Thông tin	1.1	-0.1	5.6	-35.9	-43.9	-39.3	0.8	-0.3	16.9	2.7	101,748
Tiện ích	1.1	2.8	6.1	-5.5	-24.3	-20.3	2.1	0.1	12.5	2.0	324,274
Ngân hàng	1.0	-1.7	9.8	-21.0	-31.6	-32.3	23.8	-3.0	6.9	1.5	1,567,676
Dược và Y tế	0.7	5.6	6.9	-42.7	-41.3	-36.4	0.1	-0.1	13.1	1.9	32,562
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.7	-3.3	-2.8	-28.7	-36.3	-24.5	1.2	-0.3	10.8	1.8	50,100
Truyền thông	0.4	6.2	9.4	41.8	-3.6	-46.8	0.0	0.0	11.6	0.7	964
Du lịch và Giải trí	0.1	-9.7	-8.0	-31.0	-55.6	-55.9	0.5	-0.1	n.a	9.1	93,700
Thực phẩm và đồ uống	-0.4	-3.8	2.2	-12.4	-29.8	-32.7	8.3	-0.1	6.9	2.9	505,737
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-0.6	1.8	3.6	-15.5	-35.5	-37.6	3.9	-0.2	10.1	1.1	108,720
Hóa chất	-1.5	-5.8	0.0	-12.7	-28.2	-32.6	4.3	-0.1	6.1	1.1	130,917
Bất động sản	-1.7	-7.1	-2.6	2.8	-13.4	-40.1	19.1	2.6	14.2	1.3	732,140

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,568**	**7.8**	**179.3**	**802.8**	**245.1**
Nước ngoài	**2,417**	**7.9**	**166.1**	**765.0**	**210.8**
VanEck Vectors Vietnam ETF	504	0.6	39.0	171.5	89.2
Fubon FTSE Vietnam ETF	726	0.0	0.0	122.4	1.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	708	-12.8	71.4	363.8	123.9
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	316	10.5	35.3	79.8	47.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	132	8.9	19.8	26.3	-51.4
Premia MSCI Vietnam ETF	16	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.7	0.7	1.2	0.7
Asian Growth CUBS ETF	11	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,151**	**-0.1**	**13.2**	**37.8**	**34.3**
DCVFMVN Diamond ETF	594	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	359	0.0	13.3	32.7	28.4
SSIAM VNFIN LEAD ETF	159	0.0	0.0	13.0	6.5
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-3.6	0.0
SSIAM VNX50 ETF	6	-0.1	-0.1	-4.3	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	473	74	-3,586	-3,586
Indonesia	-91	204	0	0
Nhật Bản*	800	658	2,884	2,884
Maylaysia	51	-52	-134	-134
Philippines	-22	-33	89	89
Hàn Quốc	157	2,071	7,311	7,311
Sri Lanka	2	10	11	12
Đài Loan	-219	1,525	8,766	8,766
Thái Lan	98	-494	51	51
Việt Nam	-21	56	171	171

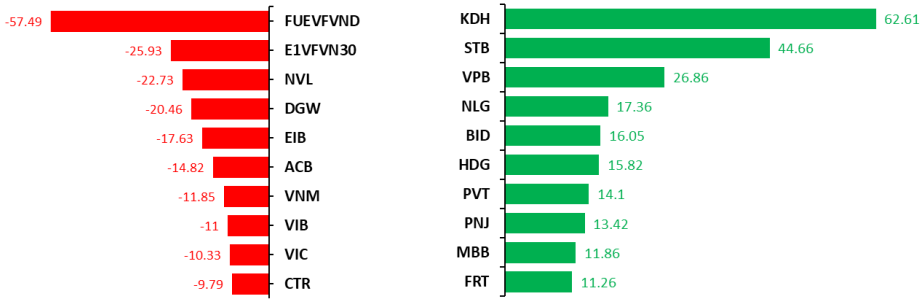
*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

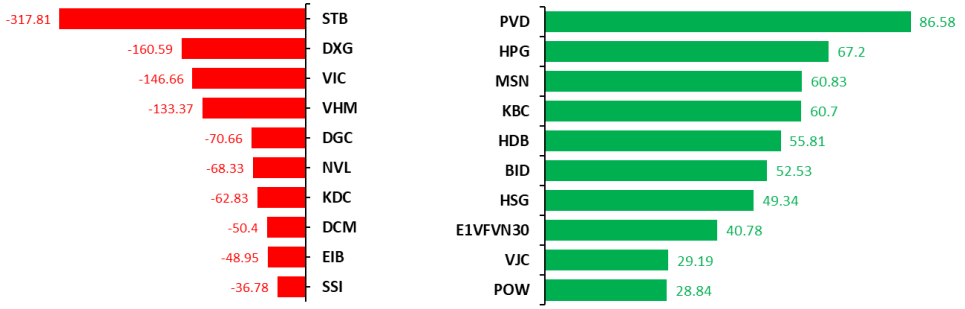
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	60	-440	415	25
Tài nguyên Cơ bản	-4	141	65	-206
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	17	-49	59	-10
Y tế	0	4	-5	0
Hóa chất	9	-152	176	-24
Dịch vụ tài chính	-83	-9	24	-15
Du lịch và Giải trí	-5	31	-30	-1
Ngân hàng	33	-333	203	129
Xây dựng và Vật liệu	0	69	-53	-16
Thực phẩm và đồ uống	-23	32	-94	62
Bán lẻ	-8	25	-25	0
Điện, nước & xăng dầu khí đ	1	72	-93	22
Hàng cá nhân & Gia dụng	13	-11	1	10
Công nghệ Thông tin	-2	0	-47	47
Ô tô và phụ tùng	0	6	-24	18
Bảo hiểm	-9	39	-32	-8
Dầu khí	0	102	-106	4
Tổng	0	-472	433	39

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	NVL	Bất động sản	11.15 - 88.30	11.7	-15.27%
2	DPM	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	32.15 - 77.00	38.1	-9.19%
3	PDR	Bất động sản	10.00 - 69.63	11.0	-9.13%
4	KHG	Bất động sản	3.78 - 16.83	5.1	-5.56%
5	GEX	Sản xuất nông nghiệp	10.75 - 42.90	12.9	-5.49%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
17.75%	8.5	5.64 - 20.50	Dịch vụ tài chính	OGC
17.73%	12.0	4.27 - 21.09	Xây dựng và Vật liệu	LCG
12.79%	24.7	11.65 - 51.50	Tài nguyên Cơ bản	KSB
12.59%	15.2	6.89 - 43.75	Tài nguyên Cơ bản	NKG
10.04%	24.7	6.95 - 26.95	Xây dựng và Vật liệu	HT1

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	VMS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.00 - 20.50	13.2	-26.26%
2	VKC	Ô tô và phụ tùng	1.10 - 15.60	1.2	-25.00%
3	QST	Truyền thông	9.20 - 17.20	9.2	-16.36%
4	GDW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	15.30 - 35.90	19.5	-13.72%
5	EVS	Dịch vụ tài chính	8.80 - 41.60	9.3	-13.08%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
32.92%	63.8	38.70 - 68.60	Du lịch và Giải trí	TTT
29.20%	17.7	12.30 - 63.33	Y tế	DNM
21.52%	27.1	20.00 - 36.50	Hàng cá nhân & Gia dụng	GLT
20.55%	8.8	6.00 - 19.00	Xây dựng và Vật liệu	HMR
18.18%	13.0	6.70 - 13.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	BPC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CT6	Xây dựng và Vật liệu	3.70 - 9.50	5.1	-41.38%
2	HEP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.30 - 66.60	15.6	-38.10%
3	SBR	Hóa chất	6.70 - 16.50	7.9	-37.80%
4	ILS	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	11.20 - 31.00	20.2	-32.67%
5	MH3	Bất động sản	36.30 - 61.50	40.4	-29.12%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
47.74%	39.3	23.20 - 46.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VMT
40.35%	8.0	4.20 - 68.00	Xây dựng và Vật liệu	XMD
38.10%	11.6	6.50 - 20.80	Thực phẩm và đồ uống	ANT
36.50%	1219.5	336.00 - 1,562.50	Truyền thông	VNZ
34.64%	37.7	9.50 - 37.70	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	HEM

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	TDM	Nước Thủ Dầu Một	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7,732.4	334.7	36.8	25.15 - 42.40	0.7
2	STK	Sợi Thế Kỷ	Hàng cá nhân & Gia dụng	1,394.3	174.1	29.0	23.55 - 59.60	1.8
3	BWE	Nước - Môi trường Bình Dương	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2,282.5	153.0	46.7	32.40 - 62.00	-0.4
4	NLG	BĐS Nam Long	Bất động sản	18,026.5	106.4	28.6	16.45 - 61.40	6.9
5	SJS	SUDICO	Bất động sản	5,726.0	104.4	45.1	37.60 - 99.50	-1.2
6	HT1	VICEM Hà Tiên	Xây dựng và Vật liệu	18,999.0	102.5	14.8	6.95 - 26.95	10.0
7	OGC	Tập đoàn Đại Dương	Dịch vụ tài chính	7,590.9	93.4	8.5	5.64 - 20.50	17.8
8	PVD	Khoan Dầu khí PVDrilling	Dầu khí	90,869.7	85.9	22.1	11.90 - 30.53	8.6
9	VHM	Vinhomes	Bất động sản	107,881.2	83.9	43.3	41.25 - 80.80	-4.6
10	VIC	VinGroup	Bất động sản	118,995.0	79.0	53.5	49.70 - 83.80	-0.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

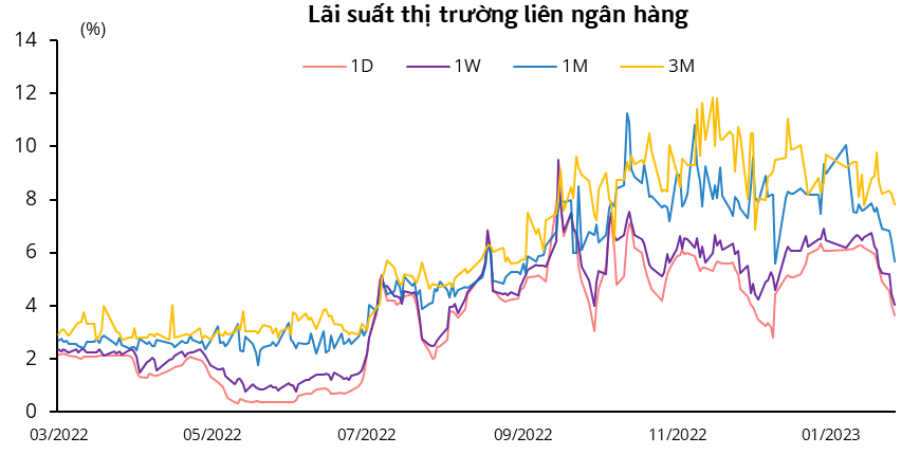
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	103.86	0.22	1.44	-2.65	0.33	
VND/USD	23,725	0.65	1.23	-4.39	0.39	
KRW/USD	1,299.65	2.74	4.90	-2.93	2.70	
JPY/USD	134.15	2.12	4.71	-4.32	2.31	
EUR/USD	0.94	-0.15	0.88	-3.10	0.11	
SGD/USD	1.34	0.46	1.23	-2.77	-0.23	
CNY/USD	6.87	0.79	1.43	-4.04	-0.43	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	76.34	-4.24	-4.79	-6.49	-4.88	
Xăng	240.82	-3.81	-5.38	-1.89	-2.09	
Gas	2.28	-9.51	-36.56	-64.28	-49.16	
Than	209.35	-7.41	-43.30	-37.43	-48.20	
Vàng	1,842.36	-1.24	-3.48	4.65	1.01	
Bạc	21.73	-1.24	-9.19	3.69	-9.29	
Platinum	921.21	-2.98	-11.72	-6.50	-14.25	
Quặng sắt	124.94	-0.16	3.30	34.21	12.28	
Thép cán	4,319.00	2.88	2.91	11.95	4.15	
Lúa mì	765.50	-2.61	1.83	-5.11	-3.35	
Ngô	677.75	-0.40	-1.09	1.54	-0.11	
Gỗ	382.10	-8.94	-11.12	-13.24	2.25	

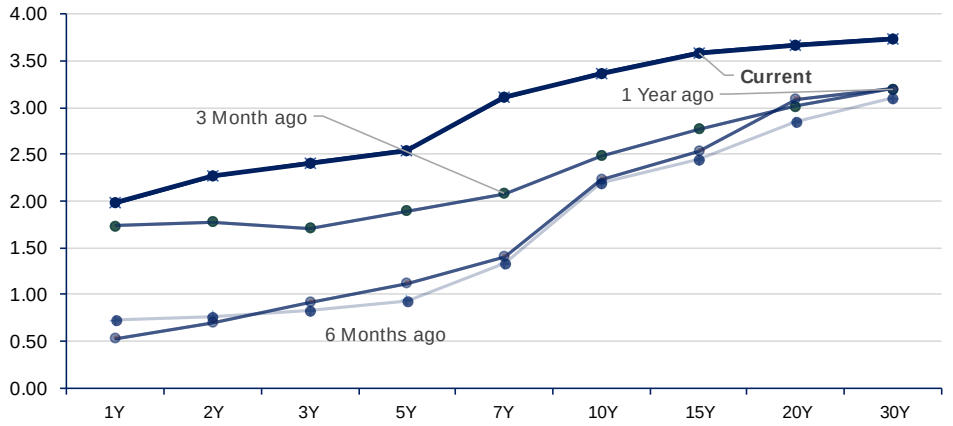
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	1.98	2.27	2.41	2.54	3.11	3.37	3.59	3.67	3.74
Thay đổi (BPS)*	2.50	5.40	10.70	0.20	-3.30	-5.30	-4.30	-0.20	-0.44

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.